VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

CHÍNH PHỦ

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 92/2022/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 02 tháng 11 năm 2022

NGHỊ ĐỊNH
Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Đài Tiếng nói Việt Nam

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 10/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Chính phủ quy định về cơ quan thuộc Chính phủ và Nghị định số 47/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 10/2016/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Đài Tiếng nói Việt Nam.

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Đài Tiếng nói Việt Nam là cơ quan thuộc Chính phủ, là đài phát thanh quốc gia, cơ quan truyền thông chủ lực đa phương tiện thực hiện chức năng thông tin, tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; góp phần giáo dục, nâng cao dân trí, phục vụ đời sống tinh thần của nhân dân bằng các chương trình phát thanh và các loại hình báo chí, truyền thông đa phương tiện khác.

2. Đài Tiếng nói Việt Nam có tên viết tắt tiếng Việt là TNVN; tên giao dịch quốc tế tiếng Anh là Voice of Vietnam, viết tắt là VOV.

3. Đài Tiếng nói Việt Nam chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Thông tin và Truyền thông về báo chí.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Đài Tiếng nói Việt Nam thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Nghị định số 10/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Chính phủ quy định về cơ quan thuộc Chính phủ và Nghị định số 47/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 10/2016/NĐ-CP và những nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể sau đây:

1. Xây dựng, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chiến lược, chương trình, kế hoạch dài hạn, trung hạn, hàng năm, các dự án quan trọng của Đài Tiếng nói Việt Nam và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt.

2. Nghiên cứu, đề xuất xây dựng, trình cấp có thẩm quyền công bố tiêu chuẩn quốc gia; ban hành tiêu chuẩn cơ sở theo quy định của pháp luật.

3. Quyết định và chịu trách nhiệm về nội dung, chương trình, thời lượng phát sóng hàng ngày trên các kênh chương trình của Đài Tiếng nói Việt Nam, phạm vi phủ sóng, phạm vi tác động thông tin đối nội và đối ngoại; chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan báo chí trực thuộc Đài Tiếng nói Việt Nam thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích, nhiệm vụ, phương hướng hoạt động theo quy định của pháp luật.

4. Tham gia xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển hệ thống báo chí Việt Nam.

5. Tổ chức sản xuất, truyền dẫn, phát sóng, phát hành, lưu trữ các chương trình phát thanh, truyền hình, báo điện tử, báo in theo quy định của pháp luật.

6. Quản lý, quyết định các dự án đầu tư và xây dựng thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật; tham gia thẩm định các đề án, dự án quan trọng thuộc chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

7. Quản lý trực tiếp hệ thống kỹ thuật chuyên dùng của Đài Tiếng nói Việt Nam để sản xuất nội dung; truyền dẫn tín hiệu trên hạ tầng viễn thông, internet

băng thông rộng; phát sóng trên phương thức phát thanh mặt đất và vệ tinh; cung cấp trên nền tảng số của Đài Tiếng nói Việt Nam và nền tảng số khác các chương trình, kênh chương trình trong nước và ra nước ngoài theo quy định của pháp luật.

8. Tổ chức thực hiện nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, chuyển đổi số trong hoạt động của Đài Tiếng nói Việt Nam.

9. Thực hiện hợp tác quốc tế về các lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Đài Tiếng nói Việt Nam theo quy định của pháp luật.

10. Thực hiện cơ chế tự chủ tài chính theo quy định của pháp luật; trường hợp có đặc thù riêng, Đài Tiếng nói Việt Nam đề xuất và phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành quy định về cơ chế tự chủ tài chính đặc thù của Đài Tiếng nói Việt Nam.

11. Thực hiện quyền, trách nhiệm đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với các doanh nghiệp do Đài Tiếng nói Việt Nam quyết định thành lập và đối với phần vốn góp tại các doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

12. Quyết định và chỉ đạo thực hiện chương trình cải cách hành chính của Đài Tiếng nói Việt Nam theo mục tiêu và nội dung chương trình cải cách hành chính nhà nước đã được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

13. Đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ báo chí theo quy định của pháp luật.

14. Quản lý tổ chức bộ máy, viên chức và người lao động; bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, cách chức, miễn nhiệm, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật; thực hiện chế độ tiền lương và các chế độ, chính sách khác đối với viên chức và người lao động thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật.

15. Quản lý, sử dụng ngân sách, tài sản công theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật có liên quan.

16. Tổ chức các hoạt động cung cấp dịch vụ theo quy định của pháp luật.

17. Thực hiện chế độ báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông và các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

18. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao và theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Ban Thư ký biên tập.

2. Ban Tổ chức cán bộ.

3. Ban Kế hoạch - Tài chính.

4. Ban Hợp tác quốc tế.

5. Văn phòng.

6. Ban Thời sự (VOV1).

7. Ban Văn hóa - Xã hội (VOV2).

8. Ban Âm nhạc (VOV3).

9. Ban Dân tộc (VOV4).

10. Ban Đối ngoại (VOV5).

11. Ban Văn học - Nghệ thuật (VOV6).

12. Báo Điện tử VOV (VOV.VN).

13. Báo Tiếng nói Việt Nam (Báo VOV).

14. Đài Truyền hình Kỹ thuật số VTC.

15. Kênh Truyền hình Đài Tiếng nói Việt Nam (VOVTV).

16. Kênh VOV Giao thông (VOVGT).

17. Cơ quan thường trú khu vực Đông Bắc.

18. Cơ quan thường trú khu vực Tây Bắc.

19. Cơ quan thường trú khu vực Miền Trung.

20. Cơ quan thường trú khu vực Tây Nguyên.

21. Cơ quan thường trú tại Thành phố Hồ Chí Minh.

22. Cơ quan thường trú khu vực đồng bằng sông Cửu Long.

23. Các cơ quan thường trú tại nước ngoài được thành lập theo quy định của pháp luật.

24. Trung tâm Sản xuất và Lưu trữ Chương trình.

25. Trung tâm Kỹ thuật phát thanh truyền hình.

26. Trung tâm Quảng cáo và Dịch vụ truyền thông.

27. Trung tâm Nghiên cứu và ứng dụng Công nghệ Truyền thông (R&D).

Các đơn vị quy định từ khoản 1 đến khoản 5 Điều này là các tổ chức giúp việc Tổng Giám đốc; các đơn vị quy định từ khoản 6 đến khoản 24 Điều này là các tổ chức sản xuất nội dung, chương trình; đơn vị tại khoản 25 Điều này là tổ chức truyền dẫn, phát sóng; các đơn vị quy định từ khoản 26 đến khoản 27 Điều này là các đơn vị sự nghiệp khác.

Ban Thư ký biên tập có 05 phòng, Ban Kế hoạch - Tài chính có 02 phòng, Văn phòng có 05 phòng.

Điều 4. Lãnh đạo

1. Đài Tiếng nói Việt Nam có Tổng Giám đốc và không quá 04 Phó Tổng Giám đốc.

2. Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc do Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức theo quy định của pháp luật.

3. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Đài Tiếng nói Việt Nam; các Phó Tổng Giám đốc giúp việc Tổng Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và trước pháp luật về lĩnh vực được phân công.

4. Tổng Giám đốc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, kỷ luật người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, mối quan hệ công tác của các đơn vị trực thuộc.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 11 năm 2022.

2. Nghị định này thay thế Nghị định số 03/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Đài Tiếng nói Việt Nam.

Điều 6. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Phạm Bình Minh